

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v : Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Lê Ngọc Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thanh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :** Bà Đặng Thị Thu Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 997/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 480/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim Ng – sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 88A L, ấp Tiền. xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Đặng Quốc T – sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 58 L, phường Ph, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Ng trình bày:*

Bà và ông Đặng Quốc T tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2012, quyển số 01/2012 ngày 18/09/2012. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung cùng gia đình nhà ông T. Đến năm 2018 vợ chồng thuê nhà sống riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông T không chịu đi làm để phụ giúp cho bà về kinh tế, mỗi người tự lo cuộc sống của mình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng bà chuyển về huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng gia đình của bà cho đến nay. Thời gian đầu ông T cũng đồng ý theo bà về sống cùng nhưng được 01 tháng ông T lại bỏ về quận Tân Phú sinh sống cho đến nay. Bà nhiều lần trao đổi, nói chuyện với ông T để vợ chồng có tiếng nói chung, nhưng ông T vẫn không đồng ý. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng không sống chung từ năm 2019 đến nay. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà Ng khai có 01 con chung là trẻ Đặng Ngọc Quỳnh Tr sinh ngày 12/2/2009. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có và không nợ ai

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Đặng Quốc T nhưng ông T vẫn vắng mặt. Ông T không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay: ông Đặng Quốc T vẫn vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà Ng và ông T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông T không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Ng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà Ng và ông T có 01 con chung là trẻ Đặng Ngọc Quỳnh Tr sinh ngày 12/2/2009. Bà Ng yêu cầu được nuôi con chung, không yêu

cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Bà Ng xác nhận hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với lời khai của trẻ Tr có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ. Do đó căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Kim Ng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông T hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đặng Quốc T nhưng ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/09/2012, quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Kim Ng và ông Đặng Quốc T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà Ng nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Căn cứ vào lời khai của bà Ng và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà Ng, ông T chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện bà Ng và ông T không sống chung nhà, mỗi người tự lo cuộc sống của mình không quan tâm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Ng, ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Ông T không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông T chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia

sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế bà Ng và ông T không sống chung nhà thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Ng đối với ông T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Đặng Ngọc Quỳnh Tr sinh ngày 12/2/2009, bà Ng không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông T không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của trẻ, để phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ Tr hiện đang sinh sống cùng bà Ng và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu của bà Ng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông T có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Ng.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim Ng được ly hôn với ông Đặng Quốc T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/09/2012, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Đặng Ngọc Quỳnh Tr sinh ngày 12/2/2009 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà Ng chưa có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà Ng cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Trong trường hợp bà Ng không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Bùi Thị Kim Ng chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà Ng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0071352 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### 3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### *Nơi nhận :*

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân Phú ;
- UBND P.P, Q.T  
Tp.Hồ Chí Minh
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**